



PRU-TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG

<u>THÔNG TIN DOANH NGHIỆP</u>	<u>THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN</u>
Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp; Vốn điều lệ: 4.124,9 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM; Điện thoại: (028) 39100999; Hotline: 1800 1 247; Fax: (028) 39100899; Website: http://www.prudential.com.vn	Họ và tên: Mã số: Điện thoại: Địa chỉ liên hệ:

PRU-TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG - Một giải pháp tài chính cho giáo dục kết hợp giữa bảo vệ và tích lũy, giúp chu toàn kế hoạch học vấn cho con bạn trước rủi ro trong cuộc sống.

Đảm bảo quỹ học vấn trong tương lai cho con

- Quà tặng học vấn cho con với 175% số tiền bảo hiểm (STBH) và các khoản lãi.
- Hỗ trợ tài chính trước rủi ro tử vong/thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) hay bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối xảy ra với người trụ cột.
- Gia tăng hỗ trợ tài chính lên đến 400% STBH trong trường hợp người trụ cột tử vong do tai nạn.

Vun đắp tương lai vững chắc cho con với các quyền lợi gia tăng

- Quà tặng khởi nghiệp cho con với 25% STBH khi con tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi trở lên.
- Mở rộng bảo vệ cho con trước rủi ro tử vong/TTTB&VV trong suốt 4 năm cuối của hợp đồng với quyền lợi bảo hiểm tử kỳ tặng kèm.
- Quyền lợi phát hành hợp đồng mới sau khi hợp đồng này kết thúc (có điều kiện áp dụng).

PRU-TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG - Từ khởi đầu yêu thương đến tương lai tươi sáng

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp	Tăng phí	CMND/ Hộ chiếu/ Khai sinh
Bên mua bảo hiểm (BMBH):	Bố					
Người được bảo hiểm chính (NDBH chính):	Bố	Nam	35	Báo chí, in ấn và xuất bản - nhà văn nhà thơ	Không	0
Người được bảo hiểm bổ sung 1 (NDBHBS 1):	Mẹ	Nữ	30	Báo chí, in ấn và xuất bản - nhà văn nhà thơ	Không	0
Người được bảo hiểm bổ sung 2 (NDBHBS 2):	Con	Nam	4	Báo chí, in ấn và xuất bản - nhà văn nhà thơ	Không	0
Địa chỉ liên hệ:						

Đơn vị tính: Đồng

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM			Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm Hàng năm
Sản phẩm bảo hiểm chính							
PRU-TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG			Bố	18	14	200.000.000	29.942.000
Phí giảm cho hợp đồng có Số tiền bảo hiểm lớn:							(400.000)
Phí bảo hiểm sau khi đã giảm:							29.542.000
Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ							
1	CIR3	Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu (*)	Mẹ	14	14	100.000.000	534.000
2	OPW7	Bảo hiểm miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo (*)	Mẹ	14	14	30.292.000	617.500
3	OPW8	Bảo hiểm miễn đóng phí	Mẹ	14	14	30.292.000	724.000
4	CIR4	Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em (*)	Con	14	14	100.000.000	300.000
5	ADD6	Bảo hiểm tai nạn dành cho trẻ em (*)	Con	13	13	100.000.000	450.000
Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ							32.167.500

Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ:

Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
32.167.500	17.401.780	9.196.568	3.397.360

Phương thức đóng phí bảo hiểm:

Tiền mặt



Ghi chú:

- Phí bảo hiểm được trình bày trên đây là phí tính cho người có sức khỏe trung bình theo tiêu chuẩn của Prudential. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên kết quả thẩm định của Prudential.



2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)

Năm hợp đồng/ Tuổi NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,00% và lãi chia cuối hợp đồng	Bảo tức tích lũy và lãi chia cuối hợp đồng được chi trả cùng Quyền lợi học vấn	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp	Giá trị hoàn lại đảm bảo nếu tích lũy Quyền lợi học vấn				Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp (g) = (c)+(e2)	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn (h)	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn (i)
(a)	(b)	(c)	(d)	(e1)	(e2)	(a)	(b)	(g) = (c)+(e2)	(h)	(i)			
1/36	29.542	200.000	600.000		4.000			200.000	600.000				
2/37	59.084	200.000	600.000		5.153		717	200.000	600.000			5.870	
3/38	88.626	200.000	600.000		8.605		1.152	200.000	600.000			9.757	
4/39	118.168	200.000	600.000		18.380		2.466	200.000	600.000			20.847	
5/40	147.710	200.000	600.000		24.165		3.301	200.000	600.000			27.466	
6/41	177.252	200.000	600.000		50.463		7.069	200.000	600.000			57.531	
7/42	206.794	200.000	600.000		61.231		8.831	200.000	600.000			70.062	
8/43	236.336	200.000	600.000		101.661		15.129	200.000	600.000			116.790	
9/44	265.878	200.000	600.000		118.511		18.226	200.000	600.000			136.737	
10/45	295.420	200.000	600.000		175.283		27.883	200.000	600.000			203.166	
11/46	324.962	200.000	600.000		199.638		32.847	200.000	600.000			232.484	
12/47	354.504	200.000	600.000		225.423		38.375	200.000	600.000			263.798	

2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)

Năm hợp đồng/ Tuổi NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,00% và lãi chia cuối hợp đồng	Bảo tức tích lũy và lãi chia cuối hợp đồng được chi trả cùng Quyền lợi học vấn	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp	Giá trị hoàn lại đảm bảo nếu tích lũy Quyền lợi học vấn				Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp (g) = (c)+(e2)	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn (h)	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn (i)
(a)	(b)	(c)	(d)	(e1)	(e2)	(a)	(b)	(g) = (c)+(e2)	(h)	(i)			
13/48	384.046	200.000	600.000		280.814	58.721		49.471	200.000	600.000			330.285
14/49	413.588	200.000	600.000	50.000	312.963	63.896	12.779	57.060	200.000	600.000	62.779	62.779	370.024
15/50		200.000	600.000	60.000	327.324		12.779	59.717	200.000	600.000	72.779	139.011	390.494
16/51		200.000	600.000	70.000	338.820		12.779	61.766	200.000	600.000	82.779	229.436	411.685
17/52		200.000	600.000	80.000	346.658		12.779	63.172	200.000	600.000	92.779	334.834	433.547
18/53		200.000	600.000	140.000	400.000	60.000	72.779	123.896	200.000	600.000	212.779	566.029	566.029

2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA THẤP (**)

Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,00% và lãi chia cuối hợp đồng	Bảo tức tích lũy và lãi chia cuối hợp đồng được chi trả cùng Quyền lợi học vấn	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp	Giá trị hoàn lại đảm bảo nếu tích lũy Quyền lợi học vấn				Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn
(a)	(b)	(c)	(d)	(e1)	(e2)	(a)	(b)	(g) = (c)+(e2)	(h)	(i)			
1/36	29.542	200.000	600.000			2.000			200.000	600.000			
2/37	59.084	200.000	600.000		5.153	4.020		357	200.000	600.000			5.510
3/38	88.626	200.000	600.000		8.605	6.060		570	200.000	600.000			9.175
4/39	118.168	200.000	600.000		18.380	8.121		1.215	200.000	600.000			19.595
5/40	147.710	200.000	600.000		24.165	10.202		1.618	200.000	600.000			25.782
6/41	177.252	200.000	600.000		50.463	12.304		3.447	200.000	600.000			53.910
7/42	206.794	200.000	600.000		61.231	14.427		4.284	200.000	600.000			65.515
8/43	236.336	200.000	600.000		101.661	16.571		7.303	200.000	600.000			108.963
9/44	265.878	200.000	600.000		118.511	18.737		8.753	200.000	600.000			127.263
10/45	295.420	200.000	600.000		175.283	20.924		13.321	200.000	600.000			188.603
11/46	324.962	200.000	600.000		199.638	23.134		15.611	200.000	600.000			215.249
12/47	354.504	200.000	600.000		225.423	25.365		18.144	200.000	600.000			243.566

2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA THẤP (**)

Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,00% và lãi chia cuối hợp đồng	Bảo tức tích lũy và lãi chia cuối hợp đồng được chi trả cùng Quyền lợi học vấn	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi từ vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi từ vong do Tai nạn	Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp	Giá trị hoàn lại đảm bảo nếu tích lũy Quyền lợi học vấn				Quyền lợi từ vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi từ vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn
(a)	(b)	(c)	(d)	(e1)	(e2)	(a)	(b)	(g) = (c)+(e2)	(h)	(i)			
13/48	384.046	200.000	600.000		280.814	27.619		23.268	200.000	600.000			304.082
14/49	413.588	200.000	600.000	50.000	312.963	29.895	5.979	26.697	200.000	600.000	55.979	55.979	339.660
15/50		200.000	600.000	60.000	327.324		5.979	27.940	200.000	600.000	65.979	124.197	357.503
16/51		200.000	600.000	70.000	338.820		5.979	28.898	200.000	600.000	75.979	205.144	374.925
17/52		200.000	600.000	80.000	346.658		5.979	29.556	200.000	600.000	85.979	299.329	391.627
18/53		200.000	600.000	140.000	400.000	40.000	45.979	69.895	200.000	600.000	185.979	497.281	497.281

2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA CAO (***)

Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,75% và lãi chia cuối hợp đồng	Bảo tức tích lũy và lãi chia cuối hợp đồng được chi trả cùng Quyền lợi học vấn	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&V V/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp	Giá trị hoàn lại đảm bảo nếu tích lũy Quyền lợi học vấn				Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV / Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn
(a)	(b)	(c)	(d)	(e1)	(e2)	(a)	(b)	(g) = (c)+(e2)	(h)	(i)			
1/36	29.542	200.000	600.000		5.500			200.000	600.000				
2/37	59.084	200.000	600.000		5.153		990	200.000	600.000			6.143	
3/38	88.626	200.000	600.000		8.605		1.596	200.000	600.000			10.200	
4/39	118.168	200.000	600.000		18.380		3.429	200.000	600.000			21.810	
5/40	147.710	200.000	600.000		24.165		4.607	200.000	600.000			28.772	
6/41	177.252	200.000	600.000		50.463		9.904	200.000	600.000			60.367	
7/42	206.794	200.000	600.000		61.231		12.420	200.000	600.000			73.651	
8/43	236.336	200.000	600.000		101.661		21.363	200.000	600.000			123.023	
9/44	265.878	200.000	600.000		118.511		25.836	200.000	600.000			144.347	
10/45	295.420	200.000	600.000		175.283		39.681	200.000	600.000			214.963	
11/46	324.962	200.000	600.000		199.638		46.930	200.000	600.000			246.567	
12/47	354.504	200.000	600.000		225.423		55.048	200.000	600.000			280.470	

2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA CAO (***)

Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI					
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,75% và lãi chia cuối hợp đồng	Bảo tức tích lũy và lãi chia cuối hợp đồng được chi trả cùng Quyền lợi học vấn	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIẾT KIỆM		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI	
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&V V/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp	Giá trị hoàn lại đảm bảo nếu tích lũy Quyền lợi học vấn				Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV / Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi học vấn và Quà tặng khởi nghiệp	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn	Nếu tích lũy Quyền lợi học vấn	
(a)	(b)	(c)	(d)	(e1)	(e2)	(a)	(b)	(g) = (c)+(e2)	(h)	(i)				
13/48	384.046	200.000	600.000		280.814	84.573		71.251	200.000	600.000				352.064
14/49	413.588	200.000	600.000	50.000	312.963	92.399	18.480	82.514	200.000	600.000	68.480	68.480	395.478	
15/50		200.000	600.000	60.000	327.324		18.480	86.356	200.000	600.000	78.480	151.753	418.474	
16/51		200.000	600.000	70.000	338.820		18.480	89.320	200.000	600.000	88.480	250.856	443.556	
17/52		200.000	600.000	80.000	346.658		18.480	91.353	200.000	600.000	98.480	366.895	470.987	
18/53		200.000	600.000	140.000	400.000	80.000	98.480	172.399	200.000	600.000	238.480	631.058	631.058	



2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

Tóm tắt quyền lợi khi kết thúc thời hạn hợp đồng nếu tích lũy quyền lợi học vấn	Mức minh họa Thấp	Mức minh họa Trung bình	Mức minh họa Cao
Quyền lợi học vấn (đảm bảo)	350.000	350.000	350.000
Quà tặng khởi nghiệp	50.000	50.000	50.000
Bảo tức tích lũy và Lãi chia cuối hợp đồng minh họa	69.895	123.896	172.399
Lãi tích lũy Quyền lợi học vấn minh họa	27.386	42.133	58.659
Tổng quyền lợi khi kết thúc hợp đồng (I)	497.281	566.029	631.058

Ngoài ra, sản phẩm bảo hiểm chính còn bao gồm những quyền lợi như sau:

- Quyền lợi bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn: Trước khi kết thúc thời hạn đóng phí 90 ngày, BMBH hoặc NDBH, trong trường hợp BMBH là tổ chức, bắt đầu được quyền chỉ định 1 lần cho 1 người là con ruột, cháu nội, ngoại ruột của mình từ đủ 12 đến 22 tuổi tại thời điểm kết thúc Thời hạn đóng phí. Người được chỉ định này sẽ được tặng miễn phí một sản phẩm bảo trợ Bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn với thời hạn 4 năm kể từ khi kết thúc Thời hạn đóng phí của sản phẩm bảo hiểm chính. STBH của sản phẩm gia tăng bảo vệ này bằng 50% STBH của sản phẩm bảo hiểm chính nhưng không quá 200 triệu đồng. Việc chỉ định này phải hoàn tất trước ngày kết thúc thời hạn đóng phí 30 ngày.

- Quyền lợi phát hành hợp đồng mới: NDBH của hợp đồng này phải là NDBH của quyền lợi bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn nêu trên và được tham gia hợp đồng mới trong vòng 60 ngày kể từ Ngày kết thúc thời hạn hợp đồng với STBH tối đa là 750 triệu đồng. Sản phẩm bảo hiểm mới không thẩm định không bao gồm các sản phẩm bảo hiểm có quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo.

Mỗi quyền lợi trên chỉ được chỉ định 1 lần duy nhất cho cùng 1 người với điều kiện người này chưa bao giờ có bất cứ dấu hiệu, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị nào liên quan đến chậm phát triển tâm thần, ung thư hoặc tăng sinh các loại, viêm gan, động kinh, bệnh hoặc các rối loạn về tim, máu, mạch máu, hệ hô hấp, thận, gan, dạ dày, đường ruột, đái tháo đường, bệnh não/thần kinh, bất thường cột sống, dị tật bẩm sinh tính đến thời điểm được chỉ định tham gia mỗi quyền lợi trên. BMBH hoặc NDBH, trong trường hợp BMBH là tổ chức, phải thực hiện việc chỉ định trong thời hạn quy định nêu trên. Người được chỉ định của 2 quyền lợi này có thể khác với người được chỉ định để xét Quà tặng khởi nghiệp.

Chi tiết và điều kiện cho những quyền lợi này được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm.



Ghi chú:

- (a) 100% STBH khi NĐBH tử vong, TTTB&VV hoặc mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối.
- (b) là số tiền chi trả trong trường hợp NĐBH tử vong do Tai nạn. Vui lòng tham khảo phần 3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG để biết thêm thông tin chi tiết.
- (c) 25% STBH được chi trả cho năm đầu tiên và tăng dần mỗi năm 5% STBH trong 4 năm cuối của Hợp đồng. Quyền lợi học vấn vẫn được đảm bảo chi trả ngay cả khi Quyền lợi Tử vong hoặc Quyền lợi Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối đã được chi trả hoặc chấp thuận chi trả trước đó. Ngoài ra, 25% STBH sẽ được chi trả khi kết thúc thời hạn Hợp đồng nếu con ruột, cháu nội, ngoại ruột của BMBH hoặc NĐBH, trong trường hợp BMBH là tổ chức, tốt nghiệp đại học chính quy tại Việt Nam trước hoặc vào Ngày kết thúc thời hạn hợp đồng và được xếp loại tốt nghiệp từ giỏi trở lên. BMBH hoặc NĐBH, trong trường hợp BMBH là tổ chức, chỉ được chỉ định 1 lần cho 1 người là con ruột, cháu nội, ngoại ruột dưới 18 tuổi của mình tại thời điểm nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.
- (d) là số tiền đảm bảo mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn và Quyền lợi học vấn được để lại tại Prudential (không tính lãi).
- (e1) có giá trị ước tính, là khoản lãi chia (không đảm bảo) của quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, được thông báo cho BMBH vào mỗi năm dương lịch. Bảo tức được tính đến ngày NĐBH tử vong hoặc bị TTTB&VV hoặc bị Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối hoặc ngày kết thúc thời hạn đóng phí, tùy ngày nào đến trước. Bảo tức được bảo đảm sau khi đã công bố và Người nhận quyền lợi bảo hiểm sẽ nhận được Bảo tức khi Prudential chi trả Quyền lợi học vấn. Trong bảng minh họa này, Bảo tức được minh họa lần lượt ở các mức **1,00%/năm**, **2,00%/năm** và **2,75%/năm** trên STBH tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung bình và Cao. Ngoài ra, Lãi chia cuối hợp đồng là khoản lãi chia (không đảm bảo) của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, được chi trả thêm vào kì chi trả Quyền lợi học vấn cuối cùng.
- (e2) 20% của bảo tức tích lũy (minh họa) chi trả mỗi năm trong 5 năm cuối của hợp đồng cộng với lãi chia cuối hợp đồng được chi trả vào kỳ chi trả Quyền lợi học vấn cuối cùng.
- (f) là số tiền minh họa (không đảm bảo) mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Giá trị hoàn lại của bảo tức được tính toán dựa trên giá trị hiện tại của bảo tức tích lũy ở thời điểm chấm dứt thời hạn hợp đồng bảo hiểm và NĐBH còn sống.
- (g) là tổng của Quyền lợi học vấn, Quà tặng khởi nghiệp, Bảo tức tích lũy và Lãi chia cuối hợp đồng được chi trả.
- (h) được tính toán dựa trên giả định quyền lợi học vấn được để lại tại Prudential để hưởng lãi với mức lãi suất minh họa là **4,0%/năm**, **5,5%/năm**, **7,0%/năm** tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao. Trong thực tế, mức lãi suất này có thể thay đổi tại từng thời điểm và khoản lãi này được tính lãi kép theo ngày.



(i) là số tiền minh họa (không đảm bảo) mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn và Quyền lợi học vắn được để lại tại Prudential để hưởng lãi với lãi suất minh họa đề cập ở ghi chú (h) tương ứng với từng mức minh họa. Giá trị hoàn lại thực tế có thể cao hoặc thấp hơn giá trị minh họa.

= d + f + khoản lãi nhận được trong trường hợp khách hàng để lại Quyền lợi học vắn ở Prudential.

(l) được tính toán dựa trên giả định chưa có bất kì quyền lợi tử vong hoặc TTTB&VV hoặc bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối nào được chi trả và quyền lợi học vắn được để lại tại Prudential để hưởng lãi với mức lãi suất minh họa giả định là **4,0%/năm, 5,5%/năm, 7,0%/năm** tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao.

(*) Mức minh họa Trung bình dựa trên giả định lợi nhuận đầu tư bằng với lợi nhuận đầu tư dài hạn tại thời điểm cuối năm tài chính **2019**. Vì lợi nhuận đầu tư thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau và có thể khác với lợi nhuận đầu tư giả định nên các quyền lợi không đảm bảo trong thực tế vẫn có thể khác với các giá trị minh họa tương ứng với mức minh họa Trung bình.

(**) Mức minh họa Thấp dựa trên giả định lợi nhuận đầu tư thấp hơn 1,5%/ năm so với lợi nhuận đầu tư dài hạn tại thời điểm cuối năm tài chính **2019**. Vì lợi nhuận đầu tư thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau và có thể thấp hơn lợi nhuận đầu tư giả định nên các quyền lợi không đảm bảo trong thực tế vẫn có thể thấp hơn các giá trị minh họa tương ứng với mức minh họa Thấp.

(***) Mức minh họa Cao dựa trên giả định lợi nhuận đầu tư cao hơn 1,5%/ năm so với lợi nhuận đầu tư dài hạn tại thời điểm cuối năm tài chính **2019**.